TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 3 năm 2019
"V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 782/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: "***Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1996

Địa chỉ: 02/26/1 TC, tổ 5, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 113 NGK, tổ 4, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018, bản tự khai ngày 05/12/2018 và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Chị và anh Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 03/5/2017. Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại 113 NGK, tổ 04, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do chị không tìm hiểu kỹ trước khi tiến tới hôn nhân nên quá trình chung sống chị và anh T thường xuyên phát

sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cải vã. Vào cuối năm 2017 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã dẫn con về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay chị nhận thấy anh chị không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Chị và anh Lê Minh T có 01 (Một) con chung là Lê Nhã T, sinh ngày 13/9/2017. Cháu hiện đang sống với chị. Do cháu Lê Nhã T còn nhỏ nên chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bản thân chị có khả năng về kinh tế để cháu Lê Nhã T nên việc cấp dưỡng phụ thuộc khả năng của anh Lê Minh T, chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Lê Minh T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Minh T:

Anh Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh T trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung của chị Nguyễn Thị Kiều D nhưng anh Lê Minh T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh Lê Minh T, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D về yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh T và giao cháu Lê Nhã T cho chị Nguyễn Thị Kiều D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 03/5/2017. Hôn nhân của chị D và anh T tuân thủ theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Minh T đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Lê Minh T cư trú trên

địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để chị trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ và hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 23/01/2018 thể hiện sau kết hôn anh chị chung sống tại 113 NGK, tổ 4, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai tuy nhiên sau khi chị D sinh con thì chị không chung sống với anh T nữa.

Biên bản xác minh này phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Kiều D: Giữa chị và anh Lê Minh T phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến chị đã dẫn con về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2018 và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Mặt khác, bản thân anh Lê Minh T đã biết Tòa án thụ lý, giải quyết việc chị Nguyễn Thị Kiều D khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý chí muốn giữ gìn, níu kéo hôn nhân với chị D.

Như vậy trên thực tế quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T không thực hiện được vì anh chị hiện đã sống ly thân, không còn sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau do đó mục đích xây dựng hôn nhân hạnh phúc không đạt được.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Lê Minh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D, xử cho chị D được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Lê Minh T có 01 (Một) con chung là Lê Nhã T, sinh ngày 13/9/2017.

Chị Nguyễn Thị Kiều D có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Lê Nhã T còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giao cháu Lê Nhã T cho chị Nguyễn Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là chính đáng cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều D đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nhã T nên không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều D không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D

Chị Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn với anh Lê Minh T

2. Về con chung: Giao 01 (Một) con chung là cháu Lê Nhã T, sinh ngày 13/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn)đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0004296 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc

thẩm. Riêng bị đơn anh Lê Minh T vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 48 ngày 03/5/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy